

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2019/DS-PT**

Ngày: 01 - 8 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tồn**

*Các thẩm phán:* Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Cường**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 01-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 749/2019/QĐ-PT ngày 03 - 7 -2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Anh **Đỗ Anh V**; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Anh V: Ông **Nguyễn Đình T**; địa chỉ: số 04 đường S, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2.1. Chị **Đỗ Quỳnh Phương V2**; địa chỉ: CA 95828, Hoa Kỳ.

**2. Bị đơn:** Bà **Đỗ Thu T** và ông **Phạm Văn B**; địa chỉ: tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B: Ông **Lê Thành N**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông **Đỗ Thanh T**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3.2. Bà **Đỗ Thu V1**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2 trình bày:*

Thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là của ông Đỗ Thanh T, là chú ruột của anh chị. Năm 2006, ông T tặng cho anh, chị thửa đất nêu trên. Do lúc đó anh, chị đang con nhỏ và đi học xa, nên ông T nhờ cô ruột của anh chị là Bà Đỗ Thu T và chồng bà T là ông Phạm Văn B, đứng tên hộ và giữ giúp thửa đất cho anh chị. Khi nào anh, chị trưởng thành thì vợ chồng bà T làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho anh chị. Việc bà T đồng ý đứng tên hộ và giữ hộ thửa đất cho anh chị được xác lập bằng giấy viết tay ngày 06/02/2006, có chữ ký của bà T và hai người làm chứng là bà Đỗ Thu V1, bà Đỗ Hoàng Diễm H là cô ruột của anh chị.

Ngày 09/6/2017, tại nhà của bà T, trước sự chứng kiến của các cô, chú của anh là ông Đỗ Thanh T, ông Đỗ Kim T2, bà Đỗ Hoàng Diễm H, bà Đỗ Thu L, anh yêu cầu bà T làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh, bà T thừa nhận giữ hộ thửa đất cho anh, chị. Tuy nhiên, sau đó bà T và ông B không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho anh chị. Vì vậy, anh chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông B trả lại cho anh, chị quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên. Anh chị đồng ý trả tiền công sức bảo quản thửa đất cho vợ chồng bà T bằng 20% giá trị thửa đất.

*Bị đơn Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B trình bày:*

Thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.998,1m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B. Thửa đất số 120 là của bố, mẹ bà T là ông Đỗ Văn T3 và bà Hoàng Thị Diễm T4. Trước khi xuất cảnh sang Hoa Kỳ định cư, bố, mẹ của bà đã chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số 120 cho anh trai của bà là ông Đỗ Thanh T đứng tên, để ông T chia thửa đất số 120 cho các em. Năm 2005, ông T chia cho vợ chồng bà thửa đất số 120F. Chồng bà tên là Phạm Văn B nhưng ông T viết nhầm trên hợp đồng tặng cho là Nguyễn Văn B, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng bà năm 2006 ghi tên người sử dụng đất là hộ Bà Đỗ Thu T và chồng là Nguyễn Văn B, Giấy chứng nhận này đã bị mất. Năm 2017, vợ chồng bà xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ghi tên người sử dụng đất là hộ Bà Đỗ Thu T và chồng là Phạm Văn B.

Sau khi ông T chia cho vợ chồng bà thửa đất nêu trên, ngày 06/02/2006, ông T viết giấy giữ giùm đất với nội: Ông T tặng cho cháu Đỗ Anh V và cháu Đỗ Quỳnh

Phuong V2 thừa đất số 120F; do các cháu còn nhỏ, nên ông T nhờ bà đứng tên giữ giúp cho các cháu thừa đất nêu trên. Ông T bảo bà ký tên vào giấy giữ giúp đất, nên bà đã ký tên. Việc bà ký tên vào giấy giữ giùm đất là do bị ông T lừa dối. Sự thật thừa đất nêu trên là của bà, được ông T tặng cho bà vào năm 2005 theo yêu cầu của bố, mẹ bà. Vì vậy, vợ, chồng bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Đỗ Anh V và Đỗ Quỳnh Phương V2.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Thanh T trình bày:*

Ông là chú ruột của Đỗ Anh V và Đỗ Quỳnh Phương V2. Năm 2003, ông tặng cho cháu V và cháu V thừa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B. Do lúc đó hai cháu còn nhỏ, nên ông nhờ em ruột là Bà Đỗ Thu T đứng tên giữ giùm thừa đất nêu trên cho hai cháu. Ngày 06/02/2006, trước sự chứng kiến của bà Đỗ Thu V1 và bà Đỗ Hoàng Diễm H là em ruột của ông, ông viết giấy giữ giùm đất với nội dung: Ông tặng cho cháu V và cháu V thừa đất số 120F; Bà Đỗ Thu T là người đứng tên giữ giùm cho hai cháu thừa đất nêu trên; Khi nào hai cháu trưởng thành, thì bà T giao lại thừa đất cho hai cháu; bà V1, bà H và bà T cùng ký tên vào giấy giữ giùm đất. Ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cháu V và cháu V, buộc bà T và ông B trả lại cho hai cháu thừa đất nêu trên.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thu V1 trình bày:*

Trước năm 1975, bố, mẹ của bà là ông Đỗ Văn T3 (đã chết) và bà Hoàng Thị Diễm T4 có diện tích đất nông nghiệp 1,8ha tại phường T1, nay là đường N, phường T1, thành phố B. Bố, mẹ của bà đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác; Diện tích đất còn lại, trước khi bố, mẹ của bà sang Hoa Kỳ định cư vào năm 2001, đã chuyển giao cho ông Đỗ Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất, để ông T chia cho các em là Bà Đỗ Thu T, bà Đỗ Thu V1, ông Đỗ Kim T2, bà Đỗ Hoàng Diễm H và bà Đỗ Thu L. Năm 2005, ông T ký hợp đồng tặng cho bà T thừa đất số 120F nằm trong diện tích ông T đứng tên sử dụng thay cho bố, mẹ của bà. Ngày 06/02/2006, ông T đưa cho bà một số giấy tờ và yêu cầu bà ký tên. Bà không xem nội dung trong các giấy tờ mà ông T yêu cầu bà ký, nên bà đã ký tên vào các giấy tờ đó. Việc bà ký tên vào giấy giữ giùm đất ngày 06/02/2006, là do bị ông T lừa dối.

Do thừa đất của bà được ông T tặng cho, liền kề với thừa đất số 120F của bà T, được sự đồng ý của bà T, bà có xây dựng nhà vệ sinh, sân xi măng trước nhà vệ sinh, chuồng gà, sân xi măng cạnh chuồng gà trên thừa đất số 120F. Hiện nay bà đã chuyển nhượng thừa đất của bà cho người khác. Nhà vệ sinh, chuồng gà, sân xi măng mà bà xây dựng trên thừa đất số 120F, bà sẽ tự nguyện tháo dỡ và không yêu cầu bồi thường.

*- Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng là ông Đỗ Kim T2 trình bày:*

Ông là chú ruột của cháu V và cháu V, là em ruột của Bà Đỗ Thu T. Thừa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có

nguồn gốc thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.998,1m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B. Thửa đất số 120 là của bố, mẹ ông là ông Đỗ Văn T3 và bà Hoàng Thị Diễm T4; Bố, mẹ của ông đã tặng cho anh trai ông là Đỗ Thanh T thửa đất số 120 từ năm 1986. Năm 2005, ông T tặng cho các em là bà Đỗ Thu V1, ông Đỗ Kim T2, bà Đỗ Hoàng Diễm H, bà Đỗ Thu L và cháu ruột là Đỗ Anh V; Mỗi người được ông T tặng cho 500m<sup>2</sup> đất. Cháu V được ông T tặng cho thửa đất số 120F. Do lúc đó cháu V còn nhỏ, nên anh em trong gia đình nhờ Bà Đỗ Thu T và chồng bà T là ông Phạm Văn B, đứng tên giữ giùm thửa đất cho cháu V; khi nào cháu V trưởng thành, thì vợ chồng bà T giao lại thửa đất cho cháu V.

*- Người làm chứng là bà Đỗ Hoàng Diễm H trình bày:*

Bà là em ruột Bà Đỗ Thu T và là cô ruột cháu V, cháu V. Thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.998,1m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B. Thửa đất số 120 là của bố, mẹ bà là ông Đỗ Văn T3 và bà Hoàng Thị Diễm T4. Trước khi xuất cảnh sang Hoa Kỳ định cư, bố, mẹ của bà đã chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số 120 cho anh trai của bà là ông Đỗ Thanh T đứng tên, để chia cho 5 người con là bà Đỗ Thu V1, ông Đỗ Kim T2, bà Đỗ Hoàng Diễm H, bà Đỗ Thu L, Bà Đỗ Thu T; Năm 2005 và năm 2006, ông T đã đưa cho bà ký tên rất nhiều các loại giấy tờ để làm thủ tục chia đất cho 05 người nêu trên. Do bị ông T lừa dối, nên bà đã ký tên vào giấy giữ giùm đất ngày 06/02/2006 với tư cách là người làm chứng.

*- Người làm chứng là bà Đỗ Thu L trình bày:*

Bà là em ruột Bà Đỗ Thu T và là cô ruột cháu V, cháu V. Thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn là của ông Đỗ Thanh T tặng cho hai cháu là Đỗ Anh V và Đỗ Quỳnh Phương V2 vào tháng 02/2006. Do hai cháu còn nhỏ, nên ông T họp anh em trong gia đình nhờ Bà Đỗ Thu T là cô ruột của hai cháu và ông Phạm Văn B là chồng bà T đứng tên giữ hộ thửa đất cho hai cháu, đến khi hai cháu hưởng thành thì vợ chồng bà T trả lại thửa đất cho hai cháu. Vì vậy, ông T đã viết giấy với nội dung bà T giữ giùm thửa đất cho cháu V và cháu V trước sự chứng kiến của cô ruột là bà Đỗ Thu V1 và Đỗ Hoàng Diễm Hương; Bà T, bà H và bà V1 cùng ký tên vào giấy giữ giùm đất cho cháu V và cháu V.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 01-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:**

Căn cứ: Điều 559, Điều 561, Điều 562 và Điều 563 BLDS năm 2005; Giấy giữ giùm đất ngày 06/02/2006;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2.

1. Buộc vợ chồng Bà Đỗ Thu T, ông Phạm Văn B phải trả lại cho anh Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2, thửa đất số 120F (nay được đánh lại số thửa là 750), tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Buộc anh Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2, phải trả cho vợ chồng Bà Đỗ Thu T, ông Phạm Văn B tiền công bảo quản thửa đất bằng 20% giá trị thửa đất là 140.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyền định về chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/11/2018, bị đơn ông Phạm Văn B, Bà Đỗ Thu T kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi lại tài sản và đơn kháng cáo của người bị kiện trong hạn luật định thuộc thẩm quyền xét xử của các cấp phúc thẩm. Đây là phiên tòa phúc thẩm lần 2, việc vắng mặt các đương sự không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của Đỗ Thu T và Phạm Văn B thì thấy: Đỗ Thành T, Đỗ Thu T, Bà Đỗ Thu V1, Đỗ Kim T2, Đỗ Hoàng Diễm H, Đỗ Thu L đều T xác nhận. Đỗ Anh V và Đỗ Quỳnh Phương V2 là cháu ruột: Đỗ Thanh T là anh trai được bố mẹ là ông Đỗ Văn T3 và bà Hoàng Thị Diễm T4 giao cho 3998,1m<sup>2</sup> tại thửa 120 tờ bản đồ số 7 tại phường T1, thành phố B tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) vào ngày 30 tháng 5 năm 2005. Sau đó, từ ngày 02/3/2006 đến ngày 13/12/2006, ông T đã ký hợp đồng tặng cho các em của mình là bà Đỗ Thu V1, Bà Đỗ Thu T, ông Đỗ Kim T2, bà Đỗ Hoàng Diễm H và bà Đỗ Thu L, mỗi người là 500m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ, ngày 28 tháng 04 năm 2005 ông Đỗ Thanh T cùng Bà Đỗ Thu T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 500m<sup>2</sup> đất thửa số 120 tờ bản đồ số 7 cũng đã được cấp giấy CNQSDĐ.

[3] Ngày 06/02/2006 giữa ông T với bà T có viết cam kết với tiêu đề: *“Giấy giữ gìn tài sản”* có nội dung *“Tôi có một số đất đã cho các anh chị em tôi, trong đó có một miếng đất diện tích 500m<sup>2</sup>, đứng sau lưng em tôi là Đỗ Hoàng Diễm H, anh tôi đã nhờ tôi đứng tên dùm cho các cháu tôi là - Đỗ Anh V -Đỗ Quỳnh Phương V2 vì các cháu tôi còn nhỏ nên **anh T tôi đã quyết định nhờ Tôi đứng gìn, để giữ cho các cháu tôi sau này khi anh tôi cảm thấy các cháu tôi đã trưởng thành có gia đình,***

*biết giữ vì của cái mồ hôi nước mắt của cha mẹ để lại, thì anh tôi và tôi sẽ giao cho 2 cháu.....”* Nội dung và chữ ký nêu trên của bà T ông T và Bà Đỗ Thu V1, Đỗ Hoàng Diễm H đều xác nhận là đúng,

Nay bà T ông B không chịu giao trả đất đã giữ hộ cho cháu mà cho rằng bị ông T lừa dối không đọc nội dung nên đã ký tên vào giấy giữ giùm đất do ông T viết và thực tế từ sau khi làm giấy tờ đất cho đến nay bà T ông B không sinh sống trên mảnh đất thửa số 120 tờ bản đồ số 7 này, mà cư trú sinh sống lập nghiệp tại tỉnh Bình Phước và đã giao GCNQSDĐ lại cho 2 cháu Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2 để điều chỉnh họ tên của anh B nhưng sau đó đổi ý. Ngoài ra phía nguyên đơn cũng cung cấp một tài liệu ghi âm vào ngày 9 tháng 6 năm 2017 nhân dịp giỗ của ông nội (Đỗ Văn T3) tại nhà Bà Đỗ Thu T, có rất nhiều người chứng kiến: bà T đã thừa nhận trước đây có giữ đất giùm cho cháu V và V... ; phía nguyên đã yêu cầu giám định giọng nói để minh chứng sự thật nhưng ông B và bà T đều từ chối giám định nhưng không trình bày lý do.

[4] Như đã phân tích ở phần trên thì thấy, bà T đứng tên hộ và giữ hộ cho anh V và chị V2 thửa đất số 120F là có thật, nhưng không trả lại anh V và chị V2, là vi phạm hợp đồng gửi giữ tài sản được ký kết ngày 06/02/2006. Vì vậy, Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ thu thập được một cách khách quan nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V và chị V2, buộc Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B phải trả lại cho anh V và chị V2 thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, cấp ngày 08/3/2006; cấp lại ngày 22/8/2017 đứng tên Bà Đỗ Thu T và Phạm Văn B tại phường T1, thành phố B là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên buộc nghĩa vụ giao trả đất nhưng không giao quyền cho người được nhận tài sản liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký chuyển đổi thông tin người sử dụng đất, nên cần phải bổ sung về nghĩa vụ thi hành án Tòa cấp sơ thẩm cho đúng pháp luật.

Xét thấy kháng cáo của vợ chồng Bà Đỗ Thu T không có căn cứ để chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với số tiền công sức bảo quản, giữ gìn thửa đất số 120F cho anh V và chị V2 từ ngày 06/02/2006 đến nay Bà Đỗ Thu T ông B không có yêu cầu nên không xét.

**[5] Về chi phí định giá tài sản:** Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B phải chịu 1.400.000đ tiền chi phí định giá tài sản; Số tiền này được hoàn trả cho anh Đỗ Anh V đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

**[6] Về án phí:** Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0006339 ngày 10/5/2008 và biên lai số: 0006348 ngày 25/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

**[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B phải chịu nhưng 300.000đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số 0010745 ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2018/DS-ST Ngày 01/11/2018 “V/v: Tranh chấp hợp đồng Gửi giữ tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

**1.** Buộc vợ chồng Bà Đỗ Thu T, ông Phạm Văn B phải trả lại cho anh Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2, thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, (nay được đánh lại số thửa là 750) diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**2.** Đỗ Anh V và chị Đỗ Quỳnh Phương V2 được quyền liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký chuyển đổi thông tin và nhận tài sản là quyền sử dụng sử đất thửa đất số 120F, tờ bản đồ số 7, diện tích 500m<sup>2</sup> tại phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

**3. Về chi phí định giá tài sản:** Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B phải chịu 1.400.000đ tiền chi phí định giá tài sản để hoàn trả cho anh Đỗ Anh V đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, và 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm.

**4. Về án phí phúc thẩm:** Bà Đỗ Thu T và ông Phạm Văn B phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số 0010745 ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**Trần Minh Tuấn**

**Nguyễn Cường**

**Phạm Tôn**